TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-3-2023
V/v Ly hôn giữa
chị M và anh G.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Trọng Thanh

2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16-3-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2022/TLST-HNGĐ ngày 21-11-2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-02-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn H1, xã H2, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Trương Tiền G, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp G, xã Nh, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

(chị M, anh G có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị kết hôn với anh G là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Nh, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 12/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, hay cãi cọ nhau, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị không khắc phục được đã đưa con về bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2014 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Bảo Ng, sinh ngày 21/4/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi con, khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con, chị

xin nuôi con hoàn toàn, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung: không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trương Tiền G trình bày: Về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn như chị M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, do kinh tế khó khăn, anh phải đi làm ăn xa nhà, chị M ở nhà đã đưa con về bố mẹ đẻ ở huyện H, tỉnh Thái Bình từ khoảng tháng 5/2014, sau đó anh có liên lạc yêu cầu chị M về để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị M không về. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Nay chị M xin ly hôn anh, anh cũng nhất trí. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cho anh và chị M được ly hôn. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Bảo Ng, sinh ngày 21/4/2013. Khi ly hôn anh đồng ý để chị M trực tiếp nuôi con, chị M không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh cũng đồng ý. Về chia tài sản chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành cơ bản đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho ly hôn giữa chị M và anh G. Về nuôi con chung: Giao cho chị M trực tiếp nuôi con cháu Trương Bảo Ng, sinh ngày 21/4/2013, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con, anh G được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Về chia tài sản chung: Chị M và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh G, trú tại Ấp G, xã Nh, huyện C, tỉnh Trà Vinh; anh G có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện H giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H, tỉnh Thái Bình. Anh G có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được; chị M có đơn xin xử vắng mặt, do vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị M, anh G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nh, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 12/3/2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 5/2014 đến nay. Chị M, anh G đều

xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M, anh G ly hôn. Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa chị M và anh G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị M và anh G có 01 con chung là Trương Bảo Ng, sinh ngày 21/4/2013. Khi ly hôn anh G đồng ý để chị M trực tiếp nuôi con, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con, HĐXX thấy đây là sự thỏa thuận của chị M, anh G, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] *Về chia tài sản chung*: Chị M, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về hôn nhân***: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trương Tiền G.

2. ***Về nuôi con chung***: Giao cho chị M trực tiếp nuôi con Trương Bảo Ng, sinh ngày 21/4/2013, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh G có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. ***Về chia tài sản chung***: Không xem xét giải quyết.

4. ***Về án phí***: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005915 ngày 21-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình (chị M đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị M, anh G vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND xã Nh;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Nhàn